TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/DS-ST.
Ngày 30 - 10 - 2019
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân.

2. Ông Võ Quốc Hưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST- DS, ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Ngân hàng Th. Địa chỉ trụ sở chính: Ph, phường x, Quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn*: Anh Phạm Hoàng H. Nhân viên phát triển kinh doanh – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 09/QĐ. STG – PC ngày 09/9/2019 của Giám đốc Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng) (Có mặt).

* *Bị đơn*: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1972. Cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/04/2013 anh Nguyễn Văn Th đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền gốc là

50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số T13002 HĐ, TD 02, ngày 17 tháng 4 năm 2013. Theo hợp đồng Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng đã giải ngân cho anh Nguyễn Văn Th theo khế ước nhận nợ cụ thể như sau: Hợp đồng vay số: T13002HĐTD/02; Số tiền vay: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng);* Lãi suất: 12,6%/năm (lãi quá hạn 18,9%/năm); Thời hạn vay: 36 tháng (Từ 17/04/2013 đến 17/04/2016); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức vay: vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu; Biện pháp đảm bảo: Tín chấp.

Trong quá trình vay, từ ngày 17/04/2013 đến ngày 13/12/2018, anh Nguyễn Văn Th trả được cho Ngân hàng tổng số tiền là 21.094.250 đồng. Trong đó: Tiền vay gốc: 11.376.973 đồng; Tiền lãi trong hạn: 9.717.277 đồng. Sau đó, thì anh Th không trả tiếp tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Do anh Nguyễn Văn Th vi phạm hợp đồng tín dụng tại Điều 9 khoản 9.2 mục 9.2.4 "Thanh toán vốn gốc, lãi vay, các khoản tiền phạt và các khoản phí (nếu có) đầy đủ và đúng thời hạn". Tính đến ngày 30/10/2019 DL anh Nguyễn Văn Th còn nợ Ngân hàng số tiền như sau: Tiền gốc là: 38.623.027 đồng; Tiền lãi trong hạn: 9.182.723 đồng; Tiền lãi quá hạn: 33.798.733 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 81.604.483 đồng.

Nay Ngân hàng Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/10/2019 là 81.604.483 đồng *(Tám mươi mốt triệu sáu trăm lẽ bốn ngàn bốn trăm tám mươi ba đồng)* và lãi được tính tiếp từ ngày 31/10/2019 DL cho đến khi anh Nguyễn Văn Th thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 18,9%/năm.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, anh Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Th là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Ngân hàng Th thì vào ngày 17/04/2013 giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Văn Th có ký kết Hợp đồng vay số: T13002HĐTD/02 ngày 17/4/2013, theo đó Ngân hàng cho anh Th vay vốn số tiền là 50.000.000 đồng để tiêu dùng phục vụ cho đời sống gia đình. Do anh Th vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho Ngân hàng, nên Ngân hàng Th khởi kiện yêu cầu anh Th phải hoàn trả tiền cho Ngân hàng Th số tiền gốc và tiền lãi là 81.604.483 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án xét xử xong vụ án đến khi anh Th trả tất nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp dân sự là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 17/04/2013 anh Nguyễn Văn Th đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số T13002 HĐ, TD 02, ngày 17 tháng 4 năm 2013. Theo hợp đồng Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng đã giải ngân cho anh Nguyễn Văn Th theo khế ước nhận nợ cụ thể như sau: Hợp đồng vay số: T13002HĐTD/02; Số tiền vay: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng);* Lãi suất: 12,6%/năm (lãi quá hạn 18,9%/năm); Thời hạn vay: 36 tháng (Từ 17/04/2013 đến 17/04/2016); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức vay: vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu; Biện pháp đảm bảo: Tín chấp.

Trong quá trình vay, từ ngày 17/04/2013 đến ngày 13/12/2018, anh Nguyễn Văn Th trả được cho Ngân hàng tổng số tiền là 21.094.250 đồng. Trong đó: Tiền vay gốc: 11.376.973 đồng; Tiền lãi trong hạn: 9.717.277 đồng. Sau đó, thì anh Th không trả tiếp tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Do anh Nguyễn Văn Th vi phạm hợp đồng tín dụng tại Điều 9 khoản 9.2 mục 9.2.4 "Thanh toán vốn gốc, lãi vay, các khoản tiền phạt và các khoản phí (nếu có) đầy đủ và đúng thời hạn". Tính đến ngày 30/10/2019 DL anh Nguyễn Văn Th còn nợ Ngân hàng số tiền như sau: Tiền gốc là: 38.623.027 đồng; Tiền lãi trong hạn: 9.182.723 đồng; Tiền lãi quá hạn: 33.798.733 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 81.604.483 đồng.

Nay Ngân hàng Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/10/2019 là 81.604.483 đồng *(Tám mươi mốt triệu sáu trăm lẽ bốn ngàn bốn trăm tám mươi ba đồng)* và lãi được tính tiếp từ ngày 31/10/2019 DL cho đến khi anh Nguyễn Văn Th thanh toán xong nợ cho Ngân hàng được tính trên khoản nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 18,9%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc anh Th vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ như: 01 (Một) Hợp đồng vay trả góp số T13002HĐTD/02, ngày 17

tháng 4 năm 2013 (Bản sao có chứng thực); 01 (Một) Giấy đăng ký vay tiền trả góp do anh Nguyễn Văn Th lập ngày 10/4/2013 (Bản chính); 01 (Một) Bảng tính lãi quá hạn hồ sơ khách hàng (Bản chính); 01 (Một) Bảng sao kê hoạt động của khách hàng vay (Bản chính). Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Th, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của Ngân hàng Th và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh Th nhưng anh Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Xét thấy về hình thức và nội dụng, trình tự thủ tục các văn bản này là phù hợp theo quy định, nên có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Th cho rằng anh Nguyễn Văn Th có vay số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng vay trả góp số T13002HĐTD/02, ngày 17 tháng 4 năm 2013 là phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ pháp luật.

Xét về nội dung: Hợp đồng vay trả góp số: T13002HĐTD/02, ngày 17 tháng 04 năm 2013 giữa Ngân hàng Th - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng và anh Nguyễn Văn Th xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Theo đại diện của Ngân hàng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng vay trả góp, Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 17/4/2013, anh Th đã nhận số tiền là 50.000.000 đồng là đủ số vốn vay theo Hợp đồng. Anh Th phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng hàng tháng và trả tất vốn vay khi hết hạn hợp đồng. Sau khi vay anh Th đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 11.376.973 đồng và tiền lãi, nhưng sau đó thì anh Th không tiếp tục thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng. Xét thấy, anh Th thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm Điều 9 khoản 9.2 mục 9.2.4 của Hợp đồng mà các bên đã ký kết, anh Th là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Th trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th tổng số tiền gốc và tiền lãi là 81.604.483 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 38.623.027 đồng; Tiền lãi trong hạn: 9.182.723 đồng; Tiền lãi quá hạn: 33.798.733 đồng và lãi được tính tiếp từ ngày 31/10/2019 DL cho đến khi anh Nguyễn Văn Th thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 18,9%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay trả góp tại thời điểm xác lập là

phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay trả góp. Do vậy, người đại diện của Ngân hàng yêu cầu anh Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th tổng số tiền gốc và tiền lãi là 81.604.483 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 38.623.027 đồng; Tiền lãi trong hạn: 9.182.723 đồng; Tiền lãi quá hạn: 33.798.733 đồng và lãi được tính tiếp từ ngày 31/10/2019 DL cho đến khi anh Nguyễn Văn Th thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 18,9%/năm là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 122, điều 389, điều 401, điều 402, điều 424, điều 425, điều 471, điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015), Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Vì vậy, cần xử buộc anh Nguyễn Văn Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền vay gốc và tổng số tiền gốc và tiền lãi là 81.604.483 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 38.623.027 đồng; Tiền lãi trong hạn: 9.182.723 đồng; Tiền lãi quá hạn: 33.798.733 đồng và lãi được tính tiếp từ ngày 31/10/2019 DL cho đến khi anh Nguyễn Văn Th thanh toán xong nợ cho Ngân hàng được tính trên khoản nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 18,9%/năm.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền là 4.080.224 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 965.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006154 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, điều 389, điều 401, điều 402, điều 424, điều 425, điều 471, điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm

2005 (Điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015), Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Án lệ số: 08/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Buộc anh Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/10/2019 DL là 81.604.483 đồng *(Tám mươi mốt triệu sáu trăm lẽ bốn ngàn bốn trăm tám mươi ba đồng)* và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 31/10/2019 DL cho đến khi anh Nguyễn Văn Th trả tất nợ cho Ngân hàng Th được tính trên khoản nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 18,9%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Th phải nộp 4.080.224 đồng *(Bốn triệu không trăm tám mươi ngàn hai trăm hai mươi bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 965.000 đồng *(Chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006154 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng Th quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Nguyễn Văn Th không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên